

TÒA ÁN NHÂN DÂN Q.HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03/02/2021

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Tiến

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Ngân - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Trang - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 03/02/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 178/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/01/2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981. Địa chỉ: K586/64 đường Ô, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thanh N, sinh năm 1986. Địa chỉ: K586/64 đường Ô, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thanh N kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh B, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại K586/64 Ông Ích Khiêm, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống đến tháng 6 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà N không lo làm ăn, suốt ngày xem điện thoại, cơm nước, quần áo một tay ông T lo. Quan hệ vợ chồng không có 05 năm trở lại đây. Nay ông T không còn tình cảm gì với bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thanh N.

- **Về con chung:** Ông T và bà N có 02 con chung là Nguyễn Thanh Huy V, sinh ngày 29/11/2010 và Nguyễn Thanh Huy Q, sinh ngày 29/6/2016. Ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Thanh Huy V và giao con Nguyễn Thanh Huy Q cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho bà N mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Hiện nay ông T làm nghề mua bán và sửa chữa xe máy cũ, công việc ổn định, thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng. Bà N công việc và thu nhập không ổn định.

- **Về tài sản chung:** Không yêu cầu giải quyết.

- **Về nợ chung:** Ông T xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngoài trụ sở Tòa án, bị đơn là bà Nguyễn Thanh N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh N và ông Nguyễn Thanh T kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh B, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại K586/64 Ô, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, không có mâu thuẫn. Đến khoảng tháng 5 năm 2020 bà N dẫn cháu nhỏ về quê thăm gia đình, khi trở về lại thì tình cảm ông T thay đổi, ông T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con, tuy nhiên vì con bà N vẫn chung sống bình thường với ông T. Nay ông T yêu cầu ly hôn, bà N không đồng ý vì điều kiện của bà rất khó khăn, không có việc làm ổn định.

- **Về con chung:** Bà N và ông T có 02 con chung là Nguyễn Thanh Huy V, sinh ngày 29/11/2010 và Nguyễn Thanh Huy Q, sinh ngày 29/6/2016. Nếu ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Thanh Huy Q và giao con Nguyễn Thanh Huy V cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà N mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

- **Về tài sản chung:** Không có.

- **Về nợ chung:** Ông T xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thanh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thanh N vắng mặt không có lý do.

Tài liệu chứng cứ của vụ án gồm: Bản sao trích lục kết hôn, bản sao giấy khai sinh con, bản sao chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu ông T.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, phát biểu:

Đối với thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bà Nguyễn Thanh Nga vắng mặt tại Tòa án trong các phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Đối với nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay và các quy định của pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thanh T đối với bà Nguyễn Thanh N.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Thanh T được ly hôn đối với bà Nguyễn Thanh N.

Về con chung: Xử Giao con Nguyễn Thanh Huy V, sinh ngày 29/11/2010 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Nguyễn Thanh Huy Q, sinh ngày 29/6/2016 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà N là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con, ông Nguyễn Thanh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở để nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Nguyễn Thanh T đối với bà Nguyễn Thanh N là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại các Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã triệu tập họp lệ bà Nguyễn Thanh N để tham gia tố tụng, tuy nhiên bà Nguyễn Thanh N vắng mặt và không có lý do, xét thấy đây là lần vắng mặt thứ hai tại phiên tòa của bà Nguyễn Thanh N, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thanh N.

[2] Về nội dung:

** Về quan hệ hôn nhân:*

Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thanh N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày

30/6/2010, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Xét thấy, hôn nhân giữa hai ông bà phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên toà hôm nay, ông Nguyễn Thanh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Nguyễn Thanh T cho rằng vợ chồng chung sống đến tháng 6 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do bà N không lo làm ăn, suốt ngày xem điện thoại, cơm nước, quần áo một tay ông T lo, không có trách nhiệm với con và hỗn láo với cha mẹ ông T. Vợ chồng vẫn chung sống nhưng phân ai nấy sống không quan tâm đến nhau. Nay ông T không còn tình cảm gì với bà N, không ai có trách nhiệm gì với nhau, ông cương quyết yêu cầu được ly hôn với bà N. Bà N xác định vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, bà cho rằng ông T có quan hệ ngoại tình nhưng bà vẫn chung sống vì con cái. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà N đến hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn nhưng bà N không có mặt tại Tòa án, thể hiện bà N bỏ mặc mâu thuẫn và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại biên bản xác minh do tổ 23 phường N, quận H thành phố Đà Nẵng cung cấp thì: Trong khoảng thời gian ông T và bà N sinh sống tại địa chỉ K586/64 đường Ô, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng thì có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019, đến năm 2020 khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bà N có bỏ về nhà mẹ một thời gian sau đó quay lại tiếp tục sinh sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không rõ.

Xét thấy, thực tế tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thanh N thực sự có mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nhưng các bên không có giải pháp hàn gắn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh T đối với bà Nguyễn Thanh N là hoàn toàn phù hợp.

** Về con chung:* Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thanh N xác định có 02 con chung là Nguyễn Thanh Huy V, sinh ngày 29/11/2010 và Nguyễn Thanh Huy Q, sinh ngày 29/6/2016. Ly hôn, ông T và bà N đều yêu cầu giao con Nguyễn Thanh Huy V cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Nguyễn Thanh Huy Q cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Thanh Huy Q mỗi tháng là 1.000.000 đồng, bà N yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của các con, nguyện vọng của các cháu V muốn ở với ông T, cháu Q hiện nay còn nhỏ và ông T và bà N thống nhất giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng nên giao cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, HĐXX xử giao con Nguyễn Thanh Huy V, sinh ngày 29/11/2010 cho ông Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Nguyễn Thanh Huy Q, sinh ngày 29/6/2016 cho bà Nguyễn Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, ông T chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho bà N mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Xét thấy, hiện nay ông T có công việc và thu nhập ổn định khoảng 10.000.000 đồng/tháng, bà N không có công việc và thu nhập ổn định, cháu Q còn nhỏ nên rất cần nhiều chi phí để phục vụ cho các nhu cầu thiết yếu. Do đó HĐXX buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Thanh Huy Q cho bà N mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi là phù hợp.

Ly hôn, các bên vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

** Về tài sản chung và nợ chung:* Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thanh N không yêu cầu Tòa án giải quyết và xác định không nợ ai, không ai nợ, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Sau này nếu có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[3]Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Nguyễn Thanh T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Thanh T đã nộp tại biên lai thu số 0009443 ngày 15/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu. Ông Nguyễn Thanh T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng ông Nguyễn Thanh T phải chịu.

[4]Xét những đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa hôm nay là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của ông Nguyễn Thanh T đối với bà Nguyễn Thanh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử: Cho ông Nguyễn Thanh T được ly hôn đối với bà Nguyễn Thanh N.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Thanh Huy V, sinh ngày 29/11/2010 cho ông Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Nguyễn Thanh Huy Q, sinh ngày 29/6/2016 cho bà Nguyễn Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Thanh Huy Q cho bà Nguyễn Thanh N mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi

Ly hôn, các bên vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về nợ chung: Không có nên không xét.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Nguyễn Thanh T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Thanh T đã nộp tại biên lai thu số 0009443 ngày 15/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu. Ông Nguyễn Thanh T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng ông Nguyễn Thanh T phải chịu.

6. Về thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn là bà Nguyễn Thanh N vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- UBND xã V (giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 30/6/2010);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Thảo